

CHƯƠNG 7

THI HÀNH HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ HÌNH PHẠT TÙ

1. BẢN CHẤT, NỘI DUNG CỦA HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ HÌNH PHẠT TÙ

1.1. Bản chất, nội dung của hình phạt tử hình

Tử hình được coi là hình phạt nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt. Hình phạt tử hình chỉ áp dụng nhằm trừng trị và phòng ngừa tội phạm mà không có tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội.

Do ảnh hưởng của nguyên tắc nhân đạo, cùng với sự phát triển của xã hội loài người, việc quy định và áp dụng hình phạt tử hình trong pháp luật hình sự của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang ngày càng thu hẹp. Nếu tính tại thời điểm năm 1989, có 35 nước bãi bỏ hình phạt này. Đến năm 1999, con số này đã tăng lên gần 80 nước. Những nước còn duy trì loại hình phạt này chủ yếu là các nước Châu Á, Châu Phi và 38/51 bang thuộc Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Tại Việt Nam, vấn đề vẫn còn giữ và áp dụng hình phạt tử hình được cho là vẫn cần thiết cho công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm trong diễn biến phức tạp trên mọi lĩnh vực của đất nước.

Nguyên nhân:

Một là, vẫn còn tồn tại nhiều trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và những hình phạt khác không đủ khả năng để bảo đảm công lý.

Hai là, mức độ cần thiết của yêu cầu phòng ngừa tội phạm nói chung (cần có sự trợ giúp của hình phạt tử hình).

Ba là, áp dụng hình phạt tử hình không mâu thuẫn với nguyên tắc nhân đạo của nước CHXHCNVN trong sự đánh giá mối tương quan giữa mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội bị áp dụng hình phạt tử hình với lợi ích của công dân khác và xã hội.

Việc duy trì áp dụng hình phạt tử hình ở nước ta hiện nay mang tính cần thiết khách quan và có thể được thay đổi về nội dung và hình thức theo chủ trương chính sách hình sự của Đảng và nước ta qua từng thời kỳ.

Cùng với công cuộc cải cách tư pháp và đổi mới công tác thi hành án nói chung, việc đổi mới tổ chức thi hành hình phạt tử hình và hạn chế án tử hình được Bộ Chính trị xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới. Theo nghị quyết số 08 ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị chỉ rõ hai nội dung cần được xem xét trong lĩnh vực án tử hình là: Đổi mới tổ chức thi hành án tử hình và hạn chế án tử hình trong Tư pháp Hình sự.

Việc hạn chế hình phạt tử hình thông qua nhiều hình thức khác nhau: Loại bỏ áp dụng hình phạt tử hình đối với loại tội nào đó; thay đổi điều kiện áp dụng hình phạt tử hình theo hướng có lợi cho người bị kết án; thủ tục, trình tự thi hành hình phạt tử hình chặt chẽ, hạn chế đến mức tối đa khả năng đưa bản án tử hình ra thi hành...

1.2. Bản chất, nội dung của hình phạt tù

Hình phạt tù thực chất là tước một số quyền tự do, giam giữ người bị kết án phạt tù tại trạm giam, cách ly người đó khỏi môi trường xã hội bình thường để thực hiện các mục đích của hình phạt và bảo đảm công lý, công bằng xã hội, cải tạo, giáo dục người

phạm tội và phòng ngừa tội phạm. Trong hệ thống hình phạt, hình phạt tù có hai loại: tù có thời hạn và tù không thời hạn (tù chung thân).

Tù có thời hạn là hình phạt lâu đời nhất và phổ biến nhất. Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định, cách ly người đó ra khỏi môi trường xã hội bình thường để giáo dục và cải tạo họ.

Tù chung thân là hình phạt tù giam không thời hạn hay còn gọi là suốt đời. Tù chung thân chỉ được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa đến mức áp dụng hình phạt tử hình. Tù chung thân không được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Trình tự thủ tục thi hành hình phạt tù chung thân về cơ bản giống với trình tự, thủ tục thi hành hình phạt tù có thời hạn.

2. THI HÀNH HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ HÌNH PHẠT TÙ

2.1. Thi hành hình phạt tử hình

Điều 3 Khoản 4 Luật thi hành án Hình sự quy định: “*Thi hành án tử hình* là việc cơ quan có thẩm quyền tước bỏ quyền sống của người chấp hành án theo quy định của Luật này”.

Việc quy định và áp dụng hình phạt tử hình theo xu hướng chung là càng thu hẹp và hạn chế cho đến khi có thể thay thế hoàn toàn.

Hiện nay, hình phạt tử hình chỉ còn được quy định đối với 7/13 tội thuộc chương Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, gồm các tội quy định ở các Điều luật sau: Đ78, Đ 79, Đ 80, Đ 82, Đ 84, Đ 85; 3/29 tội thuộc Chương Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gồm các tội quy định ở các Điều luật sau: Đ152, Đ157, Đ18; 3/11 tội thuộc chương Các tội phạm về ma túy, gồm các tội quy định ở các Điều luật sau: Đ193, Đ194, Đ197; 2/55 tội được thuộc chương Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, gồm các tội được quy định ở các điều luật sau: Đ221, Đ 231; 3/14 tội thuộc chương Các tội phạm về chức vụ, gồm các tội được quy định ở các điều luật sau: Đ278, Đ279, Đ289; 3/26 tội thuộc chương Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, gồm các tội được quy định ở điều luật sau: Đ 316, Đ 322, Đ 334; ¼ tội thuộc chương Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm xâm phạm chiến tranh, gồm các tội được quy định ở các điều luật sau: Đ 341, Đ 342, Đ 343.

Hình phạt tử hình chỉ được áp dụng trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Nghiêm cấm áp dụng hình phạt tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội hoặc đối với người phạm tội là phụ nữ đang có thai, hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Đ35 BLHS 1999 đã sửa đổi bổ sung);

Việc hạn chế thi hành hình phạt tử hình được thể hiện ở thủ tục nghiêm ngặt về thủ tục thi hành án tử hình, cụ thể được quy định tại Đ 258, Đ259 BLTTHS về kiểm tra lại bản án tử hình, trình tự gửi đơn xin ân giảm và xét đơn xin ân giảm và điều kiện thi hành án tử hình, ra quyết định thi hành án và thành lập Hội đồng thi hành án tử hình, thủ tục trước khi thi hành án, các trường hợp hoãn thi hành án tử hình, hình thức thi hành hình phạt tử hình, lập biên bản về việc thi hành án. Tất cả án tử hình phải tuân thủ nghiêm ngặt những trình tự thủ tục trên.

Luật thi hành án hình sự có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2011; quy định riêng một chương về thi hành án tử hình. Chương IV Luật thi hành án hình sự gồm 07 điều luật quy định từ Điều 54 đến Điều 60.

Điều 54 quy định cụ thể về quyết định thi hành án tử hình, theo đó Chánh án Toà án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án tử hình, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Toà án đã ra quyết định thi hành án phải gửi quyết định cho các cơ quan hữu quan có liên quan.

Điều 55 quy định về quyết định thành lập hội đồng thi hành án tử hình, theo đó ngay khi có quyết định thi hành án tử hình, Chánh án Toà án đã ra quyết định thi hành án có văn bản yêu cầu Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cử đại diện tham gia Hội đồng thi hành án tử hình. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Chánh án Toà án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình do Chánh án hoặc Phó Chánh án Toà án đã ra quyết định thi hành án làm Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình. Quyết định thành lập Hội đồng thi hành án tử hình phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định, họ tên, chức vụ của người ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ của người tham gia Hội đồng.

Điều 56 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thi hành án tử hình và Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình. Theo đó, Hội đồng thi hành án tử hình có nhiệm vụ, quyền hạn sau: Quyết định kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho việc thi hành án; Tổ chức kiểm tra các điều kiện về người chấp hành án tử hình theo quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự; ra quyết định hoãn thi hành án và báo cáo Chánh án Toà án đã ra quyết định thi hành án khi người bị kết án không đủ điều kiện để thi hành án; Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc thi hành án; yêu cầu đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức hỗ trợ bảo đảm an toàn việc thi hành án trong trường hợp cần thiết; Điều hành việc thi hành án theo kế hoạch; Thông báo kết quả thi hành án cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự; Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình triệu tập họp, công bố các quyết định có liên quan đến việc thi hành án tử hình, quyết định thời gian thi hành án; những nội dung cần giữ bí mật; các điều kiện bảo đảm việc tổ chức thực hiện kế hoạch thi hành án; địa điểm mai táng đối với trường hợp không được nhận tử thi hoặc không có đơn đề nghị được nhận tử thi. Cuộc họp phải được lập biên bản, lưu hồ sơ thi hành án tử hình.

Điều 57 quy định về chế độ quản lý giam giữ, ăn, ở, mặc, sinh hoạt, gửi và nhận thư, nhận đồ vật, tiền mặt, gặp nhân thân, chăm sóc y tế, theo đó, chế độ quản lý giam giữ, ăn, ở, mặc, sinh hoạt, gửi và nhận thư, nhận đồ vật, tiền mặt, gặp nhân thân, chăm sóc y tế đối với người bị kết án tử hình trong thời gian chờ thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về tạm giam.

Đây là quy định thể hiện tinh thần nhân đạo của nước ta đối với người phạm tội chịu lãnh án tử hình.

Điều 58 quy định về các trường hợp được hoãn thi hành án tử hình và trình tự thủ tục thi hành việc hoãn thi hành án tử hình:

Hội đồng thi hành án tử hình quyết định hoãn thi hành án tử hình trong trường hợp sau: Người bị kết án thuộc trường hợp quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự; Có lý do bất khả kháng; Ngay trước khi thi hành án người chấp hành án khai báo những tình tiết mới về tội phạm.

Khi quyết định hoãn thi hành án tử hình, Hội đồng phải lập biên bản ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm thi hành án; họ tên, chức vụ của thành viên hội đồng thi hành án tử hình; lý do hoãn thi hành án. Biên bản hoãn thi hành án phải được tất cả các thành viên Hội đồng thi hành án ký, lưu hồ sơ thi hành án tử hình và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh, cấp quân khu và cơ quan thi hành án hình sự cấp tỉnh, cấp quân khu.

Cảnh sát hỗ trợ tư pháp hoặc Cảnh vệ tư pháp áp giải, bàn giao người được hoãn thi hành án tử hình cho trại tạm giam để tiếp tục quản lý giam giữ người đó. Việc giao nhận người được hoãn thi hành án tử hình phải được lập thành biên bản.

Điều 59 quy định về hình thức và trình tự thi hành án tử hình. Điểm mới quy định về hình thức thi hành án tử hình đối với Luật thi hành án hình sự đó là thi hành án tử hình được thực hiện bằng tiêm thuốc độc. Trước khi vị đưa ra thi hành án tử hình, người chấp hành án được ăn, uống, viết thư, ghi âm lời nói gửi lại thân nhân.

Điều 60 quy định về việc giải quyết xin nhận tử thi, hài cốt của người bị thi hành án tử hình. Điểm mới ở đây là trước khi thi hành án tử hình, thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người chấp hành án có thể làm đơn nhận tử thi của người chấp hành án về để an táng. Trong trường hợp không được nhận tử thi hoặc thân nhân của người bị thi hành án không có đơn đề nghị được nhận tử thi về an táng thì cơ quan thi hành án hình sự cấp tỉnh, cấp quân khu tổ chức việc an táng, sau 03 năm thân nhân có thể làm đơn nhận hài cốt.

2.2. Thi hành hình phạt tù

Điều 3 Khoản 3 Luật thi hành án Hình sự quy định: “*Thi hành án phạt tù* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc phạm nhân phải chịu sự quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo để họ trở thành người có ích cho xã hội”.

Thi hành án phạt tù là buộc người bị kết án phạt tù phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong thời hạn được quyết định trong bản án.

Đặc điểm của thi hành án phạt tù:

Một là, hình phạt tù là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước vì đây là hoạt động của Nhà nước và người có thẩm quyền đưa những người bị áp dụng hình phạt tù đi chấp hành hình phạt tù tại trại giam và thực hiện các biện pháp cải tạo giáo dục nhằm giúp họ nhanh chóng trở thành người lương thiện, buộc họ phải chấp hành.

Hai là, hoạt động thi hành hình phạt tù mang tính thủ tục pháp lý, thẩm quyền và trình tự thủ tục thi hành hình phạt tù do pháp luật quy định.

Điều kiện thi hành hình phạt tù là điều kiện pháp lý cần và đủ để thực hiện hình phạt tù trong thực tế, bao gồm những điều kiện sau:

Một là, bản án phạt tù của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Bản án của Tòa án chỉ trở thành điều kiện thi hành hình phạt tù từ khi bản án đó tuyên hình phạt tù và khi bản án đó phát sinh hiệu lực pháp luật.

Hai là, quyết định thi hành hình phạt tù. Bản án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật chỉ được thi hành khi có quyết định thi hành án của Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm hoặc của Chánh án toà án khác cùng cấp được uỷ thác ra quyết định thi hành án.

Như vậy, bản án phạt tù đã có hiệu lực pháp luật và quyết định thi hành án là những điều kiện cần và đủ để thi hành hình phạt tù trên thực tế.

Luật thi hành án hình sự 2010 dành một chương quy định về việc thi hành hình phạt tù, từ Điều 21 đến Điều 53.

Điều 21 quy định cụ thể về nội dung quyết định thi hành án phạt tù. Theo đó, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành án phạt tù và hình phạt bổ sung, Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định thi hành án cho cá nhân, cơ quan hữu quan có liên quan sau đây:

- ✓ Người chấp hành án;
- ✓ Viện kiểm sát cùng cấp;
- ✓ Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;
- ✓ Trại tạm giam nơi người phải chấp hành án đang bị tạm giam;
- ✓ Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người phải chấp hành án đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ hoặc đang tại ngoại;
- ✓ Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Sau khi gửi quyết định thi hành án phạt tù, các cơ quan phải tiến hành các thủ tục quy định tại Điều 22 LTHSNHS để thi hành quyết định thi hành án phạt tù. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng là hai cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đưa người chấp hành án đi chấp hành án. Nếu quá thời hạn quy định mà người bị kết án phạt tù không có mặt, Cảnh sát hỗ trợ tư pháp hoặc Cảnh vệ tư pháp thực hiện áp giải thi hành án.

Trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam, phạm nhân phải học pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hoá, học nghề; phạm nhân được cung cấp thông tin về thời sự, chính sách, pháp luật của Nhà nước (Đ28 LTHAHS). Phạm nhân được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe và đáp ứng yêu cầu quản lý, giáo dục, hoà nhập cộng đồng, được nghỉ lao động vào các ngày thứ bảy, ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật. Trường hợp phạm nhân lao động thêm giờ hoặc lao động trong ngày thứ bảy, chủ nhật thì được nghỉ bù hoặc bồi dưỡng bằng tiền, hiện vật; chế độ lao động được ưu tiên cho phạm nhân nữ và phạm nhân bị mắc bệnh (Điều 29 LTHAHS). Điều này thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với phạm nhân chấp hành án phạt tù.

Những trường hợp đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù tiến hành những thủ tục quy định rõ tại Điều 31 THAHS.

“Điều 31. Thủ tục đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù

1. Thẩm quyền đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù như sau:

- a) Trại giam; trại tạm giam thuộc Bộ Công an; trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng;
- b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;
- c) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu.

2. Cơ quan có thẩm quyền nơi phạm nhân đang chấp hành án quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và chuyển cho Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án phải xem xét, quyết định.

4. Việc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm phải do người đã kháng nghị hoặc do Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định.”

Sau khi có quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan hữu quan có liên quan. Trường hợp người được tạm đình chỉ bỏ trốn, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra quyết định truy nã và phối hợp tổ chức truy bắt. Trường hợp người được tạm đình chỉ chết, sau khi nhận được thông báo từ các cơ quan có thẩm quyền, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ thi hành án.

Theo quy định tại Điều 36 LTHAHS, trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân chấp hành tốt nội quy, quy chế trại giam, có thành tích trong lao động hoặc lập công thì được khen thưởng, phạm nhân được khen thưởng thì được ưu tiên đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và đề nghị xét đặc xá theo quy định của pháp luật. Đồng thời Luật thi hành án hình sự cũng quy định xử lý phạm nhân vi phạm, trong thời gian chấp hành án phạt tù, phạm nhân vi phạm nội quy, quy chế trại giam hoặc có hành vi vi phạm pháp luật thì bị kỷ luật.

Luật thi hành án hình sự quy định rõ ràng chế độ ăn, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân. Chế độ ăn ở đối với phạm nhân (Điều 42 Luật thi hành án Hình sự); Chế độ mặc và tư trang của phạm nhân (Điều 43 Luật thi hành án Hình sự); Chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ đối với phạm nhân (Điều 44 Luật thi hành án Hình sự); Chế độ gặp thân nhân, nhận quà của phạm nhân (Điều 46 Luật thi hành án Hình sự); Chế độ liên lạc của phạm nhân (Điều 47 Luật thi hành án Hình sự); Chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân (Điều 48 Luật thi hành án Hình sự); Giải quyết trường hợp phạm nhân chết (Điều 49 Luật thi hành án Hình sự).

Đối với thi hành án phạt tù đối với phạm nhân là người chưa thành niên có những quy định thành một mục riêng (Mục 3). Khi phạm nhân đủ 18 tuổi thì chuyển phạm nhân sang thực hiện chế độ quản lý giam giữ, giáo dục đối với người đã thành niên. Quy định về chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động (Điều 51 Luật thi hành án Hình sự), theo đó phạm nhân thực hiện bắt buộc học chương trình tiểu học, phổ cập trung học cơ sở và học nghề, được lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại. Chế độ ăn, mặc, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ và vui chơi giải trí được quy định tại Điều 52 Luật thi hành án Hình sự; Chế độ gặp, liên lạc với thân nhân (Điều 53 Luật thi hành án Hình sự);

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Bản chất, nội dung của thi hành hình phạt tử hình?
2. Bản chất, nội dung của thi hành hình phạt tù?
3. Thi hành hình phạt tử hình theo pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam?
4. Thi hành hình phạt tù theo pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. PGS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB Tư pháp 2006, – Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý và thực tiễn;
2. Luật thi hành án hình sự Việt Nam 2010;
3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 15/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch triển khai Luật thi hành án hình sự.

CHƯƠNG 8

THI HÀNH HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

1. BẢN CHẤT, NỘI DUNG CỦA HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

Hình phạt cải tạo không giam giữ là một loại hình phạt chính trong hệ thống hình phạt. Hình phạt này nghiêm khắc hơn hình phạt cảnh cáo và phạt tiền nhưng ít nghiêm khắc hơn hình phạt tù có thời hạn. Đặc trưng của loại chế tài này là thực hiện hoạt động giáo dục người bị kết án ngay trong chính môi trường sống bình thường với sự giúp đỡ của cơ quan tổ chức và gia đình, kèm theo đó là những điều kiện nhất định để đảm bảo được sự giám sát và giáo dục đối với người này.

Với loại hình thức chế tài này, vai trò của cơ quan, tổ chức giám sát giáo dục và gia đình người bị kết án là rất quan trọng. Việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ nếu được thực hiện nghiêm túc với cơ chế giám sát chặt chẽ sẽ đạt được mục đích giáo dục người phạm tội. Nếu không thì việc áp dụng chỉ mang tính hình thức.

2. THI HÀNH HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

Điều 3 Khoản 6 Luật thi hành án Hình sự quy định: “*Thi hành án phạt cải tạo không giam giữ* là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này giám sát, giáo dục người chấp hành án tại xã, phường, thị trấn và khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước theo bản án đã có hiệu lực pháp luật”.

Điều 72 Luật thi hành án hình sự quy định về quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho các cá nhân, cơ quan có liên quan.

2.1. Nghĩa vụ của người bị kết án cải tạo không giam giữ

Người bị kết án cải tạo không giam giữ bị đòi hỏi phải thực hiện được khả năng tự giáo dục cũng như khả năng tiếp thu sự giáo dục của các cơ quan, tổ chức có liên quan để trở thành người lương thiện. Sự thể hiện đó được thực hiện thông qua việc họ thực hiện tốt những nghĩa vụ mà pháp luật quy định.

Điều 75 Luật thi hành án Hình sự quy định về nghĩa vụ của người chấp hành án. Theo đó nghĩa vụ của người chấp hành án bao gồm những nghĩa vụ sau:

- ✓ Chấp hành nghiêm chỉnh cam kết của mình trong việc tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, làm việc; tích cực tham gia lao động, học tập; chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ nộp phần thu nhập bị khấu trừ theo bản án của Tòa án.

- ✓ Phải có mặt theo yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được giao giám sát, giáo dục.

- ✓ Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú từ 01 ngày trở lên thì phải khai báo tạm vắng.

- ✓ Ba tháng một lần phải nộp bản tự nhận xét về việc thực hiện nghĩa vụ chấp hành án cho người trực tiếp giám sát, giáo dục về việc chấp hành pháp luật; trường hợp đi khỏi nơi cư trú từ 03 tháng đến 06 tháng, thì phải có nhận xét của Công an cấp xã

nơi người đó đến lưu trú hoặc tạm trú để trình Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người đó.”

2.2. Quyền của người bị kết án cải tạo không giam giữ

Bên cạnh những nghĩa vụ nói trên, người bị kết án cải tạo không giam giữ cũng có các quyền gắn liền với việc họ được chấp hành hình phạt trong môi trường sống và làm việc bình thường cũng như gắn liền với sự tiến bộ của họ trong thời gian chấp hành hình phạt.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ được có các quyền sau:

- ✓ Người chấp hành án là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân quốc phòng, công nhân công an, người lao động nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức thì được bố trí công việc bảo đảm yêu cầu, mục đích giám sát, giáo dục, được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc mà mình đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác, thời gian tại ngũ theo quy định của pháp luật.

- ✓ Người chấp hành án được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy chế của cơ sở đó.

- ✓ Người chấp hành án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chấp hành án tạo điều kiện tìm việc làm.

- ✓ Người chấp hành án thuộc đối tượng quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì vẫn được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- ✓ Người bị kết án có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền nơi mình làm việc hoặc cư trú xem xét việc giảm thời gian chấp hành hình phạt khi đã chấp hành được 1/3 thời hạn cải tạo không giam giữ và có nhiều tiến bộ hoặc lập công, quá già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo. Người bị kết án là người chưa thành niên đã chấp hành được ¼ thời hạn cải tạo không giam giữ thì được xét giảm hình phạt.

3. CƠ QUAN THI HÀNH HÌNH PHẠT CÁI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

3.1. Trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục người bị kết án

Để thực hiện hoạt động giám sát, giáo dục người bị kết án, cơ quan tổ chức giám sát giáo dục được pháp luật quy định những nhiệm vụ nhất định.

Theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án Hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- ✓ Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án;
- ✓ Phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người chấp hành án;
- ✓ Yêu cầu người chấp hành án thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;
- ✓ Biểu dương người chấp hành án có nhiều tiến bộ hoặc lập công;
- ✓ Giải quyết cho người chấp hành án được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú;

- ✓ Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự thực hiện khấu trừ một phần thu nhập của người chấp hành án theo quyết định của Tòa án để sung quỹ nhà nước;
- ✓ Phối hợp với gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó;
- ✓ Lập hồ sơ đề nghị xem xét việc giảm thời hạn chấp hành án, miễn chấp hành án gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 1 Điều 77 của Luật này;
- ✓ Nhận xét bằng văn bản và lưu vào sổ theo dõi về quá trình chấp hành án của người chấp hành án khi người đó chuyển đi nơi khác;
- ✓ Thực hiện thống kê, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án;
- ✓ Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật;
- ✓ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án theo quy định của Luật này.
- ✓ Trưởng Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này.
- ✓ Đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này.
- ✓ Bổ sung hồ sơ thi hành án các tài liệu sau:
 - Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người chấp hành án;
 - Bản nhận xét của người được phân công giám sát, giáo dục về việc chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án;
 - Bản tự nhận xét của người chấp hành án về việc thực hiện nghĩa vụ chấp hành án; trường hợp bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 79 của Luật này thì phải có bản kiểm điểm và biên bản cuộc họp kiểm điểm người chấp hành án;
 - Trường hợp đã được giảm thời hạn chấp hành án thì phải có quyết định của Tòa án;
 - Tài liệu khác có liên quan

Khi có đủ điều kiện để giảm thời hạn chấp hành án theo quy định của Bộ luật hình sự, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm lập hồ sơ và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực nơi người chấp hành án đang cư trú, làm việc xem xét, quyết định (Điều 77 Khoản 1 Luật thi hành án Hình sự).

Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi người chấp hành án đang cư trú, làm việc, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu xem xét, lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành án (Điều 78 Khoản 1 Luật thi hành án Hình sự).

3.2. Trách nhiệm và quyền của người trực tiếp giám sát, giáo dục người bị kết án và gia đình người bị kết án

Người trực tiếp giám sát, giáo dục người bị kết án cải tạo không giam giữ là người được cơ quan, tổ chức giám sát giáo dục người bị kết án phân công theo dõi và

giúp đỡ người bị kết án giáo dục cải tạo. Người trực tiếp giám sát có vai trò rất quan trọng trong quá trình chấp hành án của người bị kết án. Người này có những trách nhiệm và quyền hạn nhất định như: Tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của người chấp hành án và giúp người đó thực hiện tốt nghĩa vụ của mình; báo cáo lại với thủ trưởng cơ quan tổ chức giám sát giáo dục về tình hình chấp hành hình phạt của người chấp hành án; lập hồ sơ theo dõi việc chấp hành án của người bị kết án...

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Bản chất, nội dung của thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ?
2. Thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ?
3. Cơ quan thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. PGS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB Tư pháp 2006, – Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý và thực tiễn;
2. Luật thi hành án hình sự Việt Nam 2010;
3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 15/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch triển khai Luật thi hành án hình sự.

CHƯƠNG 9

THI HÀNH CÁC HÌNH PHẠT CHÍNH LÀ CẢNH CÁO, PHẠT TIỀN, TRỤC XUẤT VÀ ÁN TREO

1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA VIỆC THI HÀNH CÁC HÌNH PHẠT CHÍNH LÀ CẢNH CÁO, PHẠT TIỀN, TRỤC XUẤT VÀ ÁN TREO

Thi hành các hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất và án treo là một phần của hoạt động thi hành án hình sự ở nước ta. Đó là hệ thống của các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thi hành các nội dung bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về các loại hình phạt nói trên theo quy định của pháp luật.

Thứ nhất, người bị kết án chấp hành các hình phạt này không phải cách ly khỏi xã hội. Họ được cải tạo, giáo dục tại cộng đồng

Thứ hai, chịu trách nhiệm thi hành các hình phạt này không phải là cơ quan chuyên trách về công tác thi hành án, mà là các cơ quan Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Do không phải là cơ quan chuyên trách về thi hành án nên các cơ quan này gặp nhiều khó khăn khi thi hành nhiệm vụ được giao. Do đó, các cơ quan, tổ chức này cần được sự hỗ trợ tích cực, nhất là hỗ trợ về nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan công an...

2. THI HÀNH HÌNH PHẠT CẢNH CÁO

Người bị phạt cảnh cáo bị tuyên án công khai trước tòa. Có thể nói, hình phạt cảnh cáo hầu như không được thi hành trên thực tế. Sau khi có hiệu lực pháp luật, các cơ quan, các tổ chức không có một hoạt động nào liên quan đến việc thi hành án.

Theo Luật thi hành án hình sự hiện hành, việc Tòa án tuyên án công khai chính là thi hành hình phạt cảnh cáo: “ Hình phạt cảnh cáo được thi hành ngay tại phiên tòa do Tòa án tuyên. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải gửi bản án cho người bị phạt cảnh cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người bị phạt cảnh cáo cư trú hoặc làm việc, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm có trụ sở. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm theo dõi, thống kê, báo cáo theo quy định của Luật này.”

Theo chúng tôi, cách tiếp cận hiện nay của Luật thi hành án hình sự là không chính xác. Bởi vì: Thứ nhất, tuyên án chỉ là một phần của thủ tục phiên tòa; thứ hai, trong trường hợp đó bản án chưa có hiệu lực pháp luật, chưa có quyết định thi hành án của Chánh án Tòa án nên chưa thể thi hành.

Vì vậy, vấn đề cần nghiên cứu ở đây là cần quy định nội dung hình phạt cảnh cáo thế nào cho hợp lý từ góc độ Luật hình sự để từ đó xác định trình tự, thủ tục thi hành hình phạt này về mặt tổ tụng. Có như vậy thì việc tuyên án của tòa án không chỉ là lời tuyên án suông và người bị kết án hầu như không phải chịu một biện pháp cưỡng chế nào của Nhà nước. Hiệu quả xét xử của tòa án mới được phát huy tích cực.

3. THI HÀNH HÌNH PHẠT TIỀN

Theo quy định của Điều 30 Bộ Luật hình sự thì phạt tiền là hình phạt mà thông qua đó Nhà nước trừc của người bị kết án một khoản tiền nhất định sung quỹ Nhà nước. Pháp luật hình sự nước ta càng ngày càng coi trọng vai trò của phạt tiền với tư cách là hình phạt chính. Hình phạt tiền không chỉ đơn thuần quy định áp dụng đối với người phạm tội do vụ lợi, các tội có dùng tiền làm phương tiện phạm tội. Phạt tiền

được quy định đối với các tội phạm khác, đặc biệt là các tội phạm trật tự xâm phạm trật tự quản lý kinh tế...

Hiện tại Luật thi hành án hình sự không có quy định nào liên quan đến thi hành hình phạt tiền. Tuy nhiên, đối chiếu với Luật thi hành án dân sự có thể nhận thấy hình phạt tiền trong tư pháp hình sự được thi hành theo các quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

Cụ thể, Điều 1 Luật thi hành án dân sự 2008 quy định: “Luật này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành ... hình phạt tiền trong ... bản án, quyết định hình sự”. Thời hạn tự nguyện thi hành án là 15 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án. Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế. Chấp hành viên có quyền tự mình hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của đương sự áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, huỷ hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Khi áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, Chấp hành viên không phải thông báo trước cho đương sự. Người yêu cầu Chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu của mình. Trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường. Các biện pháp bảo đảm thi hành án bao gồm: Phong tỏa tài khoản; Tạm giữ tài sản, giấy tờ; Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản.

4. THI HÀNH HÌNH PHẠT TRỤC XUẤT

Đặc điểm nổi bật nhất của việc thi hành hình phạt này là ở chỗ người bị kết án là người nước ngoài.

Hình phạt trục xuất được áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội.

Luật thi hành án hình sự quy định rất cụ thể về việc thi hành hình phạt trục xuất tại Chương VII – Thi hành hình phạt trục xuất, cụ thể:

Trường hợp trục xuất là hình phạt chính thì Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định thi hành án. Quyết định phải ghi rõ họ tên, chức vụ người ra quyết định; bản án được thi hành; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người chấp hành án; hình phạt bổ sung; tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành.

Trường hợp ra quyết định thi hành án phạt trục xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật, Tòa án phải gửi ngay quyết định cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và Viện kiểm sát cùng cấp, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải tổng đạt quyết định thi hành án cho người chấp hành án và thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao Việt Nam, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người chấp hành án là công dân hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế mà người đó làm việc, cơ quan, tổ chức đã bảo lãnh người đó vào Việt Nam. Trường hợp người chấp hành án đang bị tạm giam thì phải gửi quyết định này cho trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi đang tạm giam người đó để tổng đạt cho người chấp hành án.

Hồ sơ thi hành án phạt trục xuất bao gồm: Bản sao bản án đã có hiệu lực pháp luật; quyết định thi hành án phạt trục xuất hoặc bản sao quyết định thi hành án phạt tù

trong trường hợp trục xuất là hình phạt bổ sung; Bản sao hộ chiếu hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của người chấp hành án; Giấy tờ chứng nhận đã chấp hành xong các hình phạt khác hoặc các nghĩa vụ khác; Tài liệu khác có liên quan. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh lập hồ sơ thi hành án phạt trục xuất.

Trong thời gian chờ xuất cảnh, người chấp hành án phạt trục xuất phải lưu trú tại nơi được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chỉ định. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đưa người chấp hành án phạt trục xuất vào cơ sở lưu trú của Bộ Công an nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không có nơi thường trú, tạm trú; Nhập cảnh trái phép hoặc phạm các tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; Tự ý rời khỏi nơi lưu trú được chỉ định hoặc không chấp hành các biện pháp quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; Có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ cho rằng người đó có thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian chờ xuất cảnh; Có hành vi bỏ trốn, chuẩn bị bỏ trốn hoặc hành vi khác gây khó khăn cho việc thi hành án phạt trục xuất; Mắc bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm theo quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Tự nguyện xin vào cơ sở lưu trú. Thủ tục đưa người chấp hành án phạt trục xuất vào cơ sở lưu trú như sau: Trường hợp người chấp hành án phạt trục xuất đang tại ngoại thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải áp giải người chấp hành án phạt trục xuất đến cơ sở lưu trú; Trường hợp người chấp hành án phạt trục xuất đang bị tạm giam thì sau khi nhận được quyết định thi hành án, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi tạm giam phải giao người chấp hành án phạt trục xuất cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để áp giải vào cơ sở lưu trú; Khi phạm nhân có hình phạt bổ sung là trục xuất chấp hành xong án phạt tù thì trại giam phải giao người chấp hành án phạt trục xuất cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để áp giải vào cơ sở lưu trú. Trường hợp người chấp hành án phạt trục xuất chết trong thời gian chờ xuất cảnh thì cơ sở lưu trú hoặc nơi lưu trú được chỉ định phải báo ngay cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền để xác định nguyên nhân chết. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản hoặc bằng điện tín cho Toà án đã ra quyết định thi hành án phạt trục xuất, Bộ Ngoại giao Việt Nam, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người chấp hành án là công dân hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế mà người đó làm việc, cơ quan, tổ chức đã bảo lãnh người đó vào Việt Nam. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức an táng. Trường hợp thân nhân hoặc đại diện hợp pháp của người chết đề nghị được nhận tử thi về an táng và tự chịu chi phí thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xem xét, giải quyết.

Trường hợp người chấp hành án phạt trục xuất bỏ trốn thì cơ sở lưu trú hoặc nơi lưu trú chỉ định phải lập biên bản và thông báo ngay cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi có cơ sở lưu trú hoặc nơi lưu trú chỉ định. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nhận được thông báo phải tổ chức truy bắt ngay; trường hợp truy bắt không có kết quả thì trong thời hạn 07 ngày phải ra quyết định truy nã. Người chấp hành án phạt trục xuất bỏ trốn ra đầu thú thì cơ quan tiếp nhận lập biên bản và thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đến nhận và đưa người đó vào cơ sở lưu trú.

Đến thời hạn người chấp hành án phạt trục xuất phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền tiến hành kiểm tra căn cước của người chấp hành án phạt

trục xuất và áp giải người đó đến địa điểm xuất cảnh và buộc rời khỏi lãnh thổ Việt Nam. Người chấp hành án phạt trục xuất được mang theo tài sản hợp pháp của mình khi rời khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thi hành xong án phạt trục xuất, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải thông báo việc thi hành án phạt trục xuất cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia. Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thẩm quyền quyết định việc kéo dài thời hạn buộc phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với người chấp hành án thuộc một trong các trường hợp sau đây: Đang ốm nặng, đang phải cấp cứu không thể đi lại được và được cơ quan y tế hoặc bệnh viện từ cấp tỉnh trở lên xác nhận; Phải chấp hành bản án khác hoặc thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam; Có lý do chính đáng khác chưa thể rời khỏi lãnh thổ Việt Nam được Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xác nhận.

Người chấp hành án phạt trục xuất phải chịu chi phí vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu biển để rời khỏi lãnh thổ Việt Nam; trường hợp người chấp hành án phạt trục xuất không có khả năng tự chịu chi phí thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người đó là công dân hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế mà người đó làm việc, cơ quan, tổ chức đã bảo lãnh người đó vào Việt Nam giải quyết kinh phí đưa người chấp hành án phạt trục xuất về nước; trường hợp đã yêu cầu mà cơ quan, tổ chức đó vẫn chưa giải quyết được kinh phí nhưng vì lý do an ninh quốc gia cần phải trục xuất ngay thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an quyết định việc sử dụng ngân sách chi trả vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu biển cho người chấp hành án phạt trục xuất.

5. THI HÀNH ÁN TREO

Mặc dù nhìn từ góc độ pháp luật hình sự, án treo chỉ là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, nhưng việc thi hành án treo lại rất gần với thi hành các hình phạt không phải tù, đặc biệt là thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Vì vậy, thông thường người ta coi thi hành án treo cũng là một phần của việc thi hành các hình phạt chính không phải là tù và tử hình. Trên cơ sở này, Luật thi hành án hình sự cũng quy định về việc thi hành án treo tại Mục 1 Chương V cùng với việc thi hành án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ. Cụ thể:

Quyết định thi hành án phải ghi rõ họ tên người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được hưởng án treo; mức hình phạt tù và thời gian thử thách của người được hưởng án treo; hình phạt bổ sung; Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây: Người được hưởng án treo; Viện kiểm sát cùng cấp; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người được hưởng án treo làm việc; Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có nhiệm vụ triệu tập người được hưởng án treo, người đại diện hợp pháp của

người được hưởng án treo là người chưa thành niên đến trụ sở cơ quan thi hành án để ấn định thời gian người được hưởng án treo phải có mặt tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc và cam kết việc chấp hành án, lập hồ sơ thi hành án. Hồ sơ bao gồm: Bản án đã có hiệu lực pháp luật; Quyết định thi hành án treo; Cam kết của người được hưởng án treo. Đối với người được hưởng án treo là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì bản cam kết của người đó phải có sự xác nhận của người đại diện hợp pháp; Tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày triệu tập người được hưởng án treo, người đại diện hợp pháp của người được hưởng án treo thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải giao hồ sơ thi hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trước khi hết thời gian thử thách 03 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để xem xét và cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách. Giấy chứng nhận phải gửi cho người được hưởng án treo, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; Phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; Yêu cầu người được hưởng án treo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Biểu dương người được hưởng án treo có nhiều tiến bộ hoặc lập công; Giải quyết cho người được hưởng án treo được vắng mặt ở nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú; Phối hợp với gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người được hưởng án treo làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó; Lập hồ sơ đề nghị xem xét việc rút ngắn thời gian thử thách gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật này; Nhận xét bằng văn bản và lưu vào sổ theo dõi về quá trình chấp hành án của người được hưởng án treo khi người đó chuyển đi nơi khác; Thực hiện thống kê, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án; Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người được hưởng án treo theo quy định của pháp luật; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án treo theo quy định của Luật này.

Trưởng Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này.

Nghĩa vụ của người được hưởng án treo: Chấp hành nghiêm chỉnh cam kết của mình trong việc tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, làm việc; tích cực tham gia lao động, học tập; chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; Trường hợp người được hưởng án treo đi khỏi nơi cư trú từ 01 ngày trở lên thì phải khai báo tạm vắng; Ba tháng một lần trong thời gian thử thách người được hưởng án treo phải nộp bản tự nhận xét về việc chấp hành pháp luật cho người trực tiếp giám sát, giáo dục; trường hợp đi khỏi nơi cư trú từ 03 tháng đến 06 tháng, thì phải có nhận xét của Công an cấp xã nơi người đó đến

lưu trú hoặc tạm trú để trình với Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người đó.

Việc lao động, học tập của người được hưởng án treo: Người được hưởng án treo là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân quốc phòng, công nhân công an, người lao động nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức thì được bố trí công việc bảo đảm yêu cầu giám sát, giáo dục, được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc mà mình đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác, thời gian tại ngũ theo quy định của pháp luật. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo không thuộc các trường hợp trên được Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện để người đó tìm việc làm. Người được hưởng án treo được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy chế của cơ sở đó. Người được hưởng án treo thuộc đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì vẫn được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Khi có đủ điều kiện để rút ngắn thời gian thử thách theo quy định của Bộ luật hình sự, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm lập hồ sơ và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo đang cư trú, Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo làm việc xem xét, quyết định. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, Tòa án có thẩm quyền phải mở phiên họp xét rút ngắn thời gian thử thách và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định rút ngắn thời gian thử thách, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người được rút ngắn thời gian thử thách, cơ quan đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù cho hưởng án treo, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 64 của Luật và đã bị nhắc nhở từ hai lần trở lên mà tiếp tục vi phạm nhưng chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục phải phối hợp với cơ quan, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở tổ chức họp tại cộng đồng dân cư nơi người được hưởng án treo cư trú, làm việc để kiểm điểm người đó; trường hợp người được hưởng án treo đang làm việc tại đơn vị quân đội thì việc kiểm điểm được thực hiện tại đơn vị quân đội nơi người đó làm việc. Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ thi hành án treo và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện

có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc trong phạm vi quân khu thì đơn vị quân đội có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án cho đơn vị quân đội nơi người được hưởng án treo đến làm việc để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc ngoài phạm vi quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp nơi người được hưởng án treo đến làm việc để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án quân sự khu vực và Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo đến làm việc.

Trường hợp người được hưởng án treo không tiếp tục làm việc trong quân đội thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này.

Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; thông báo kết quả chấp hành án của người được hưởng án treo với Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục khi có yêu cầu; Bồi thường thiệt hại và thực hiện các nghĩa vụ dân sự khác do người được hưởng án treo là người chưa thành niên gây ra theo bản án, quyết định của Tòa án; Có mặt tại cuộc họp kiểm điểm người được hưởng án treo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục.

Đặc trưng lớn nhất của thi hành án treo là người bị kết án được giám sát, giáo dục trong môi trường bình thường, quen thuộc tại cơ quan, tổ chức hoặc địa phương nơi người bị kết án học tập, công tác, cư trú trước khi phạm tội với một chế độ chấp hành án do Chính phủ quy định.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Đặc điểm chung của việc thi hành các hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất và án treo?
2. Quy định pháp luật hiện hành về thi hành hình phạt cảnh cáo?
3. Quy định pháp luật hiện hành về thi hành hình phạt tiền?
4. Quy định pháp luật hiện hành về thi hành hình phạt trục xuất?
5. Quy định pháp luật hiện hành về thi hành án treo?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1.PGS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB Tư pháp 2006, – Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý và thực tiễn;

2. Luật thi hành án hình sự Việt Nam 2010;

3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 15/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch triển khai Luật thi hành án hình sự.

CHƯƠNG 10

THI HÀNH CÁC HÌNH PHẠT BỔ SUNG

Theo Luật hình sự Việt Nam, hình phạt bổ sung gồm:

- Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- Cấm cư trú;
- Quản chế;
- Tước một số quyền công dân;
- Tịch thu tài sản;
- Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;
- Trục xuất khi không áp dụng là hình phạt chính.

1. CẤM ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, CẤM HÀNH NGHỀ HOẶC LÀM CÔNG VIỆC NHẤT ĐỊNH

Điều 36 Bộ luật hình sự quy định:

“Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó, thì có thể gây ra nguy hại cho xã hội.

Thời hạn cấm từ 1 năm đến 5 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”.

Luật thi hành án hình sự quy định việc thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định tại Chương IX, cụ thể:

* Thủ tục thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

Hai tháng trước khi hết thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân có hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó đang chấp hành án phạt tù phải thông báo bằng văn bản về việc thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát cấp huyện nơi người đó về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự và Viện kiểm sát cấp quân khu nơi có đơn vị người đó làm việc.

Ngay sau khi phạm nhân có hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định chấp hành xong án phạt tù, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải gửi giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, bản sao bản án, bản sao quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát cấp huyện nơi người chấp hành án về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự và Viện kiểm sát cấp quân khu nơi có đơn vị người đó làm việc.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú. Hồ sơ thi hành án bao gồm: Bản sao bản án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao quyết định thi hành án phạt tù; Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù; Tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án.

Trường hợp người có hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định phải chấp hành hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù cho hưởng án treo thì thời hạn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Tòa án ra quyết định thi hành án phải gửi bản sao bản án, quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người đó cư trú, cơ quan thi hành án hình sự và Viện kiểm sát cấp quân khu nơi có đơn vị người đó làm việc. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nhận được quyết định thi hành án phải lập hồ sơ và thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quân đội nơi người chấp hành án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo bản án của Tòa án. Khi hết thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Giấy chứng nhận phải gửi cho người chấp hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, cơ quan, tổ chức, đơn vị quân đội nơi người chấp hành án làm việc, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận có trụ sở.

* Quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

Người chấp hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định có các quyền sau đây: Được ứng cử, bổ nhiệm, đề bạt vào chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc không bị cấm; Có thể được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đã bị cấm sau khi chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; Được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định khi hết thời hạn phải chấp hành.

Trong thời hạn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, người chấp hành án có các nghĩa vụ sau đây: Báo cáo về chức vụ, nghề hoặc công việc bị cấm đảm nhiệm cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú; Không được tiếp tục hoặc phải từ chối đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định đã bị cấm; Không được ứng cử vào chức vụ đã bị cấm; Có mặt khi cơ quan có thẩm quyền triệu tập liên quan đến việc chấp hành án của mình.

* Trách nhiệm thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

Cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc có trách nhiệm: Ra quyết định cách chức hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định cách chức người chấp hành án khỏi chức vụ bị cấm đảm nhiệm và thông báo công khai trong cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc; Không được đề cử, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí người chấp hành án vào chức vụ, công việc, nghề bị cấm; Báo cáo kết quả thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu; Thông báo cho cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án được chuyển đến làm việc về việc người đó đang chấp hành án; cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án chuyển đến có trách nhiệm thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú có trách nhiệm: Thông báo công khai bản án tại nơi người chấp hành án về cư trú; Báo cáo kết quả thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; Trường hợp người chấp hành án chuyển đến nơi cư trú mới phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến về việc người đó đang chấp hành án. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chuyển đến có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. CẤM CƯ TRÚ

Điều 37 Bộ luật hình sự quy định: “Cấm cư trú là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú ở một số địa phương nhất định. Thời hạn cấm cư trú là từ 1 năm đến 5 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù”.

Đây là loại hình phạt bổ sung có nội dung hạn chế một trong các quyền cơ bản của công dân - Quyền tự do cư trú. Ban đầu, nó là một biện pháp cưỡng chế có tính chất hành chính được quy định tại Quyết định số 123-CP ngày 8/7/1966 của Hội đồng Chính phủ, để áp dụng đối với một số đối tượng có thể gây nguy hại cho trật tự, an ninh ở những khu vực quan trọng, sung yếu về chính trị, kinh tế và quốc phòng.

Hiện tại, việc thi hành hình phạt bổ sung cấm cư trú được quy định tại Mục 1 Chương VI của Luật thi hành án hình sự, bao gồm các nội dung chính:

*** Thủ tục thi hành án phạt cấm cư trú**

Hai tháng trước khi hết hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân có hình phạt bổ sung là cấm cư trú, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú và nơi người đó bị cấm cư trú, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú và nơi người đó bị cấm cư trú.

Ngay sau khi phạm nhân có hình phạt bổ sung là cấm cư trú chấp hành xong án phạt tù, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó chấp hành án phải gửi giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, bản sao bản án, bản sao quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án về cư trú.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú có trách nhiệm lập hồ sơ thi hành án phạt cấm cư trú và bàn giao hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú. Hồ sơ bao gồm: Bản sao bản án

đã có hiệu lực pháp luật, bản sao quyết định thi hành án phạt tù; Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù; Tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án.

Trước khi hết thời hạn cấm cư trú 03 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú. Giấy chứng nhận phải gửi cho người chấp hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú có trụ sở.

* Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án; tạo điều kiện để họ lao động, học tập bình thường; Nhận xét bằng văn bản và lưu hồ sơ theo dõi về quá trình chấp hành án phạt cấm cư trú khi người đó chuyển nơi cư trú; Yêu cầu người chấp hành án cam kết và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Lập hồ sơ đề nghị xem xét việc miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại cho người bị cấm cư trú gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; Thực hiện thống kê, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án; Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án theo quy định của Luật này.

Trưởng Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật này.

* Nghĩa vụ của người chấp hành án phạt cấm cư trú: Không được cư trú ở những nơi đã bị cấm cư trú; chấp hành nghiêm chỉnh cam kết của mình trong việc tuân thủ pháp luật; phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú.

Quyền của người chấp hành án phạt cấm cư trú: Khi có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cấm cư trú, thì người chấp hành án phạt cấm cư trú được đến địa phương đó; thời gian lưu trú do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến quyết định, nhưng mỗi lần không được quá 05 ngày; được lựa chọn nơi cư trú ngoài nơi đã bị cấm; khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, thì được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đề nghị miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú theo quy định của Luật này.

* Thủ tục miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại: Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị cấm cư trú về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án có thẩm quyền phải mở phiên họp xét miễn và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định miễn chấp hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người được miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện

kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú và nơi người đó bị cấm cư trú, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành án có trụ sở.

* Bổ sung hồ sơ thi hành án phạt cấm cư trú

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú có trách nhiệm bổ sung hồ sơ thi hành án cấm cư trú các tài liệu sau: Nhận xét về quá trình chấp hành án phạt cấm cư trú; Quyết định của Tòa án về miễn thời hạn cấm cư trú còn lại; Tài liệu khác có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú bàn giao hồ sơ thi hành án cấm cư trú cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 82 của Luật. Việc giao nhận hồ sơ được lập biên bản và lưu hồ sơ.

Khi thấy người bị cấm cư trú có mặt tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án không được đến cư trú phải kiểm tra, lập biên bản và buộc họ rời khỏi địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú.

3. QUẢN CHẾ

Điều 38 Bộ luật hình sự quy định: “Quản chế là buộc người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định, có sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương. Trong thời gian quản chế, người bị kết án không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, bị tước một quyền công dân theo Điều 39 của Bộ luật này và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Quản chế được áp dụng đối với người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Thời hạn quản chế là từ 1 năm đến 5 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù”.

* Thủ tục thi hành án phạt quản chế:

Hai tháng trước khi hết hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân có hình phạt bổ sung là quản chế, Giám thị trại giam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú để chấp hành án quản chế.

Khi phạm nhân có hình phạt bổ sung là quản chế chấp hành xong án phạt tù, trại giam phải giao người bị quản chế kèm theo bản sao bản án, quyết định thi hành án, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, nhận xét kết quả chấp hành án phạt tù và tài liệu liên quan cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải giao ngay người đó cho Ủy ban nhân dân cấp xã để kiểm soát, giáo dục.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được giao người chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ thi hành án quản chế để bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ gồm: Bản sao bản án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao quyết định thi hành án phạt tù; Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù; Biên bản giao người bị quản chế; Tài liệu về quá trình chấp hành án phạt tù và tài liệu khác có liên quan.

Trước khi hết thời hạn quản chế 03 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để cấp giấy chứng

nhận đã chấp hành xong án phạt quản chế. Giấy chứng nhận phải gửi cho người chấp hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt quản chế có trụ sở.

* Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án phạt quản chế về cư trú

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án phạt quản chế về cư trú có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Tiếp nhận người chấp hành án và hồ sơ thi hành án phạt quản chế; tổ chức kiểm soát, giáo dục người chấp hành án; tạo điều kiện để họ lao động, học tập bình thường tại nơi bị quản chế; nhận xét bằng văn bản và lưu hồ sơ theo dõi về quá trình chấp hành án; Yêu cầu người chấp hành án phạt quản chế cam kết và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; có biện pháp giáo dục, phòng ngừa khi người đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật; triệu tập người bị quản chế trong trường hợp cần thiết; cấp giấy phép cho người chấp hành án đi khỏi nơi bị quản chế theo quy định tại Điều 93 của Luật này; Định kỳ 03 tháng một lần nhận xét quá trình chấp hành án gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; Lập hồ sơ đề nghị xem xét việc miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại cho người chấp hành án gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật; Thực hiện thống kê, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền về kết quả thi hành án; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án theo quy định của Luật này.

Trưởng Công an cấp xã có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này.

* Nghĩa vụ của người chấp hành án phạt quản chế

Người chấp hành án phạt quản chế có nghĩa vụ sau đây: Chịu sự kiểm soát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã và nhân dân địa phương; không được tự ý rời khỏi nơi quản chế; Mỗi tháng một lần vào tuần đầu của tháng, trình diện và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế việc chấp hành quy định về quản chế; Có mặt tại địa điểm quy định khi Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập, nếu vắng mặt phải có lý do chính đáng; Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật và quy định của chính quyền địa phương; tích cực lao động, học tập, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội; Trường hợp được phép đi khỏi nơi quản chế, người chấp hành án phạt quản chế phải khai báo tạm vắng; trình diện, xuất trình giấy phép, làm thủ tục đăng ký tạm trú, lưu trú với Công an cấp xã nơi đến theo quy định; trở về nơi quản chế đúng thời hạn và trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã. Người chấp hành án phạt quản chế đi khỏi nơi quản chế mà không có giấy phép hoặc vi phạm các quy định ghi trong giấy phép nếu không có lý do chính đáng thì thời gian này không được tính vào thời hạn chấp hành án phạt quản chế.

Người chấp hành án phạt quản chế cố ý không chấp hành nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

* Quyền của người chấp hành án phạt quản chế: Sinh sống cùng gia đình tại nơi quản chế; Lựa chọn việc làm thích hợp, trừ những ngành, nghề hoặc công việc mà người chấp hành án phạt quản chế không được làm theo quy định của pháp luật; được

hưởng thành quả lao động do mình làm ra; Tự do đi lại trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi quản chế; Được xét miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại theo quy định tại Điều 95 của Luật này.

* Giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt quản chế đi khỏi nơi quản chế:

Trường hợp có lý do chính đáng, người chấp hành án phạt quản chế có thể được cấp giấy phép đi khỏi nơi quản chế. Thẩm quyền cấp giấy phép như sau: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế cấp giấy phép đi lại trong phạm vi cấp huyện nơi quản chế; Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy phép đi lại trong phạm vi cấp tỉnh nơi quản chế; Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cấp giấy phép đi ra ngoài phạm vi cấp tỉnh nơi quản chế.

Thời hạn người chấp hành án phạt quản chế được phép đi khỏi nơi quản chế do người có thẩm quyền cấp giấy phép quyết định, nhưng mỗi lần không quá 10 ngày. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế phải đi chữa bệnh thì thời gian đi khỏi nơi quản chế theo thời gian điều trị của cơ sở chữa bệnh.

* Bổ sung hồ sơ thi hành án phạt quản chế

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế có trách nhiệm bổ sung hồ sơ thi hành án phạt quản chế các tài liệu sau: Cam kết của người chấp hành án phạt quản chế; Nhận xét về quá trình chấp hành án phạt quản chế; Quyết định của Tòa án về miễn thời hạn quản chế còn lại; Tài liệu khác có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế bàn giao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 89 của Luật này. Việc giao nhận hồ sơ được lập biên bản và lưu hồ sơ.

* Thủ tục miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại. Hồ sơ gồm có: Bản sao bản án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao quyết định thi hành án phạt tù; Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế; Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; Đơn xin miễn chấp hành án của người chấp hành án phạt quản chế; Tài liệu khác có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án có thẩm quyền phải mở phiên họp xét miễn và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định miễn chấp hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người được miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại có trụ sở.

4. TƯỚC MỘT SỐ QUYỀN CÔNG DÂN

Điều 39 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

“1. Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định; thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:

- a. Quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước;
- b. Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 1 năm đến 5 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”.

Điều kiện áp dụng. Đối tượng bị áp dụng hình phạt tước một số quyền công dân theo quy định tại Điều 39 Bộ luật hình sự 1999 phải là công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định. Tội phạm khác ở đây là 15 trường hợp phạm tội không thuộc các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Đó là các trường hợp phạm tội không thuộc các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Đó là các trường hợp luật quy định về hình phạt quản chế tại các Điều, 39, 119, 120, 133, 134, 197, 221, 330, 231, 232, 233, 236, 238, 252, 254”.

* Thủ tục thi hành án phạt tước một số quyền công dân

Hai tháng trước khi hết thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân có hình phạt bổ sung là tước một số quyền công dân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong trường hợp phạm nhân chấp hành án tại cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thi hành hình phạt bổ sung cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người đó về cư trú.

Ngay sau khi phạm nhân có hình phạt bổ sung là tước một số quyền công dân chấp hành xong án phạt tù, trại giam, trại tạm giam phải gửi giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, bản sao bản án, bản sao quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án về cư trú.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú có trách nhiệm lập hồ sơ thi hành án phạt tước một số quyền công dân và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú. Hồ sơ thi hành án bao gồm: Bản sao bản án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao quyết định thi hành án phạt tù; Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù; Tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án.

Trường hợp người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân là người được hưởng án treo thì Tòa án ra quyết định thi hành án phải gửi bản sao bản án, quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ và thông báo cho cơ quan nơi người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc thực hiện thi hành án phạt tước một số quyền công dân theo bản án của Tòa án. Khi hết thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tước một số quyền công dân. Giấy chứng nhận phải gửi cho người chấp hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt có trụ sở.

* Tước quyền bầu cử, ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước

Trong thời gian bị tước quyền bầu cử, ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước, người chấp hành án không được tham gia bầu cử hoặc ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước.

Ủy ban nhân dân cấp xã không được đưa người bị tước quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước vào danh sách cử tri. Trường hợp đã có tên trong danh sách cử tri nhưng đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải xoá tên người đó trong danh sách cử tri, thu hồi thẻ cử tri của người đó và thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

* Tước quyền làm việc trong cơ quan nhà nước

Trong thời gian bị tước quyền làm việc trong cơ quan nhà nước, người chấp hành án không được phép dự tuyển hoặc tiếp tục làm việc trong cơ quan nhà nước.

Trường hợp người chấp hành án đang là cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước mà bị tước quyền làm việc trong cơ quan nhà nước thì cơ quan nơi người đó làm việc phải ra quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định buộc thôi việc hoặc đình chỉ công tác trong thời hạn bị tước quyền làm việc trong cơ quan nhà nước đối với người đó.

* Tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân

Trong thời gian bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân, người chấp hành án không được đăng ký nghĩa vụ quân sự; dự tuyển hoặc tiếp tục làm công chức, viên chức, công nhân quốc phòng trong Quân đội nhân dân; dự tuyển hoặc tiếp tục phục vụ trong Công an nhân dân.

Trường hợp người chấp hành án đang là quân nhân, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng trong Quân đội nhân dân hoặc đang phục vụ trong cơ quan, đơn vị Công an nhân dân mà bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân thì cơ quan, đơn vị nơi người đó làm việc phải ra quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định buộc người đó ra khỏi lực lượng vũ trang nhân dân.

5. TỊCH THU TÀI SẢN

Điều 40 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

“Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án sung quỹ nhà nước. Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng trong trường hợp do Bộ luật này quy định.

Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống”.

Về điều kiện áp dụng. Điều kiện áp dụng hình phạt tịch thu tài sản được quy định tại Bộ luật hình sự 1999 vừa ở mức độ chung, vừa ở mức độ cụ thể và trực tiếp.

Các quy định về thi hành biện pháp tịch thu tài sản trong tư pháp hình sự được áp dụng theo các quy định của pháp luật thi hành án dân sự (Điều 1 Luật thi hành án dân sự 2008). Điều 35 Luật tổ tụng dân sự quy định thẩm quyền thi hành biện pháp tịch thu tài sản.

6. PHẠT TIỀN

Điều 30 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm các tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội khác do Bộ luật này quy định.

2. Mức phạt tiền được quyết định tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động giá cả nhưng không được thấp hơn một triệu đồng.

3. Tiền phạt có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do tòa quyết định trong bản án.

Về điều kiện áp dụng. Bộ luật hình sự 1985 không có quy định riêng về điều kiện áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Điểm khác với Bộ luật hình sự năm 1985 và cũng là một bước tiến của Bộ luật hình sự năm 1999 thể hiện ở chỗ, điều kiện áp dụng phạt tiền với tính cách là hình phạt bổ sung được quy định ở cả hai mức độ: quy định chung và quy định cụ thể và trực tiếp. Là quy định chung, luật giới hạn đối tượng bị áp dụng hình phạt bổ sung này là những người phạm các tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định.

Luật thi hành án hình sự cũng không quy định về việc thi hành hình phạt tù với tư cách là một hình phạt bổ sung mà chúng ta cần áp dụng các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

7. TRỰC XUẤT

Điều 32 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

“Trực xuất là buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trực xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong trường hợp cụ thể”.

Trường hợp trực xuất là hình phạt bổ sung thì quyết định thi hành án phải ghi đầy đủ hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự của Nhà nước ta, hệ thống hình phạt về hình sự phải ghi nhận thêm một loại hình phạt mới, một hình phạt mà pháp luật hình sự của một số nước khác đã có một bề dày kinh nghiệm áp dụng.

Trường hợp phạm nhân có hình phạt bổ sung là trực xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 96 của Luật thi 02 tháng trước khi hết thời hạn chấp hành án phạt tù, Giám thị trại giam phải thông báo bằng văn bản cho phạm nhân đó và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi trại giam đóng. Cơ quan thi hành án hình sự Công an

cấp tỉnh phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Việt Nam, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người chấp hành án phạt trực xuất là công dân hoặc cơ quan đại diện tổ chức quốc tế mà người đó làm việc, cơ quan, tổ chức đã bảo lãnh người đó vào Việt Nam.

Các quy định khác về thi hành hình phạt trực xuất với tư cách là một hình phạt bổ sung được áp dụng tương tự như các quy định về hình phạt trực xuất được áp dụng với tư cách là một hình phạt chính.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về thi hành hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định?
2. Việc thi hành hình phạt quản chế theo pháp luật hiện hành?
3. Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về thi hành hình phạt tước một số quyền công dân?
4. Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về thi hành biện pháp tịch thu tài sản?
5. Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về thi hành biện pháp phạt tiền?
6. Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về thi hành biện pháp trực xuất với tư cách là hình phạt bổ sung?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1.PGS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB Tư pháp 2006, – Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý và thực tiễn;
2. Luật thi hành án hình sự Việt Nam 2010;
3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 15/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch triển khai Luật thi hành án hình sự.

CHƯƠNG 11

THI HÀNH CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP HÌNH SỰ

1. BẢN CHẤT, NỘI DUNG CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP HÌNH SỰ

Các biện pháp tư pháp hình sự, xét về bản chất, là những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do các cơ quan tiến hành tố tụng mà cụ thể là do Viện kiểm sát và Tòa án áp dụng đối với người phạm tội và những người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự do bị bệnh tâm thần hoặc một bị bệnh lý khác đã mất đi khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Theo quy định của Bộ luật hình sự 1999, các biện pháp tư pháp hình sự không phải là hình phạt bao gồm: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; Buộc công khai xin lỗi; Bắt buộc chữa bệnh. Hai loại biện pháp: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng riêng đối với người chưa thành niên phạm tội.

Bản chất, đây là những biện pháp hỗ trợ hình phạt trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội, hoặc thay thế hình phạt trong nhiều trường hợp, giúp rút ngắn được thủ tục tố tụng, giải quyết nhanh chóng được các vụ án.

2. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THI HÀNH CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP HÌNH SỰ

*** Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp**

Quyết định về áp dụng biện pháp tư pháp bao gồm: Quyết định của Tòa án, Viện kiểm sát về áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Bản án, quyết định của Tòa án về áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên; Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp phải ghi rõ tên cơ quan và họ tên, chức vụ người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người chấp hành biện pháp tư pháp; tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan ra quyết định phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây: Người chấp hành biện pháp tư pháp hoặc đại diện hợp pháp của người đó; Viện kiểm sát cùng cấp trong trường hợp Tòa án ra quyết định; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành biện pháp tư pháp cư trú; Bệnh viện tâm thần trong trường hợp bắt buộc chữa bệnh; Cơ quan đề nghị Tòa án, Viện kiểm sát áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh.

*** Nguyên tắc thi hành biện pháp tư pháp**

“1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Bản án, quyết định có hiệu lực thi hành phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh.

3. Bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người phải chấp hành biện pháp tư pháp.

4. Bảo đảm giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người có ích cho xã hội.

5. Bảo đảm việc điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng cho người bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và ngăn ngừa họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

6. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình vào việc giáo dục cải tạo người chấp hành biện pháp tư pháp.”

* Những hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành biện pháp tư pháp

- Tổ chức trốn hoặc trốn khỏi trường giáo dưỡng; tổ chức trốn hoặc trốn khi đang bị dẫn giải thi hành biện pháp tư pháp; đánh tháo người bị dẫn giải thi hành biện pháp tư pháp.

- Không chấp hành quyết định áp dụng biện pháp tư pháp; cản trở hoặc chống lại việc thực hiện nội quy, quy chế về thi hành biện pháp tư pháp hoặc quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành biện pháp tư pháp.

- Kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về thi hành biện pháp tư pháp; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người có trách nhiệm thi hành biện pháp tư pháp.

- Đưa, nhận, môi giới hối lộ, sách nhiễu trong thi hành biện pháp tư pháp; xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành biện pháp tư pháp.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị hoặc không đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp, hoãn, đình chỉ thi hành biện pháp tư pháp trái quy định của pháp luật.

- Cấp hoặc từ chối cấp quyết định, giấy chứng nhận, xác nhận hoặc giấy tờ khác về thi hành biện pháp tư pháp trái quy định của pháp luật.

- Làm sai lệch hồ sơ, sổ sách về thi hành biện pháp tư pháp.

* Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp tư pháp: Bệnh viện tâm thần có nhiệm vụ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Trường giáo dưỡng có nhiệm vụ thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

* Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong thi hành biện pháp tư pháp được thực hiện theo quy định tại Chương này. Viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành biện pháp tư pháp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Nhà nước bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để thi hành các biện pháp tư pháp. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình tham gia vào việc giáo dục người phải chấp hành biện pháp tư pháp tại xã, phường, thị trấn, trường giáo dưỡng.

3. TỊCH THU VẬT, TIỀN TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM

Điều 41 Bộ luật hình sự hiện hành quy định biện pháp này như sau:

1. Việc tịch thu, sung quỹ nhà nước được áp dụng đối với:

- a. Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;
- b. Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có;
- c. Vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành.

2. Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

3. Vật, tiền thuộc tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Bộ luật tố tụng hình sự cũng như Luật thi hành án hình sự hiện hành không có một điều khoản nào quy định việc thi hành biện pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.

Hiện nay, việc thi hành biện pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm được hiện theo pháp luật thi hành án dân sự (Luật thi hành án dân sự 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

4. TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI; BUỘC CÔNG KHAI XIN LỖI

Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi là biện pháp tư pháp hình sự đã được pháp luật hình sự ghi nhận tại Điều 42 Bộ luật hình sự hiện hành, theo đó “người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. Trong trường hợp người phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại”.

Việc buộc người phạm tội trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo pháp luật về thi hành án dân sự.

4. BẮT BUỘC CHỮA BỆNH

Bắt buộc chữa bệnh được quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành tại Điều 43, để áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh lý khác bị mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Tùy theo giai đoạn tố tụng, Viện kiểm sát hoặc Tòa án căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định pháp y có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh.

* Thẩm quyền đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, hồ sơ đưa người vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh

Thẩm quyền đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh như sau: Cơ quan đang thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn điều tra có thẩm quyền đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp; Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong giai đoạn thi hành án có thẩm quyền đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự quân khu nơi có trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

Cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh có trách nhiệm lập hồ sơ đưa người vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh. Hồ sơ bao gồm: Quyết định của Viện kiểm sát hoặc Tòa án về áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Kết luận của Hội đồng giám định y khoa; Lý lịch cá nhân của người chấp hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Tài liệu khác có liên quan.

Trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát tự mình quyết định áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh thì Tòa án, Viện kiểm sát đã ra quyết định có trách nhiệm lập hồ sơ và đề nghị cơ quan đang thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn điều tra hoặc trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong giai đoạn thi hành án đưa người vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh.

*** Đưa người vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh**

Ngay sau khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, cơ quan đang thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn điều tra hoặc trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong giai đoạn thi hành án có nhiệm vụ giao người bị bắt buộc chữa bệnh và hồ sơ kèm theo cho bệnh viện tâm thần được chỉ định theo quyết định của Viện kiểm sát hoặc Tòa án, đồng thời sao gửi quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Bệnh viện tâm thần được Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ định có trách nhiệm tiếp nhận người bị bắt buộc chữa bệnh và hồ sơ kèm theo, lập biên bản giao nhận. Cơ quan có trách nhiệm đưa người vào bệnh viện tâm thần phải thông báo cho gia đình hoặc thân nhân của người bị áp dụng biện pháp tư pháp nơi người đó đang được chữa bệnh.

*** Tổ chức điều trị cho người bị bắt buộc chữa bệnh**

Bệnh viện tâm thần có trách nhiệm quản lý, tổ chức điều trị bệnh cho người bị bắt buộc chữa bệnh và không được phân biệt đối xử.

Trong thời gian bắt buộc chữa bệnh, thân nhân của người bị bắt buộc chữa bệnh được gặp và phối hợp chăm sóc người bị bắt buộc chữa bệnh và phải chấp hành đúng quy định về thăm gặp, chăm sóc của bệnh viện tâm thần.

Trường hợp người bị bắt buộc chữa bệnh bỏ trốn, bệnh viện tâm thần phải lập biên bản và thông báo ngay cho cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và gia đình của người đó biết để phối hợp truy tìm, đưa người đó trở lại bệnh viện tâm thần.

Chi phí điều trị cho người bị bắt buộc chữa bệnh do Nhà nước cấp.

*** Đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh**

Khi người bị bắt buộc chữa bệnh đã khỏi bệnh, Giám đốc bệnh viện tâm thần thông báo cho cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh để yêu cầu Hội đồng giám định y khoa tiến hành giám định về tình trạng bệnh của người đó. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định y khoa về việc người đó đã khỏi bệnh, cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đề nghị Tòa án hoặc Viện kiểm sát đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh ra quyết định đình chỉ việc thi hành biện pháp này.

Tòa án hoặc Viện kiểm sát đã ra quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh có trách nhiệm gửi quyết định cho cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh để thông báo cho bệnh viện tâm thần và thân nhân của họ.

Sau khi nhận được quyết định đình chỉ của Tòa án, cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh phải đến nhận người bị bắt buộc chữa bệnh. Trường hợp Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ, thì khi nhận được quyết định đình chỉ, thân nhân của người bị bắt buộc chữa bệnh phải đến nhận người đó. Việc giao nhận phải lập biên bản, trong đó ghi rõ thời gian chữa bệnh tại bệnh viện tâm thần.

* Giải quyết trường hợp người bị bắt buộc chữa bệnh chết

Trường hợp người bị bắt buộc chữa bệnh chết, Giám đốc bệnh viện tâm thần phải báo ngay cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp tỉnh nơi bệnh viện đóng để xác định nguyên nhân chết, thông báo cho thân nhân của người chết, cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 116 của Luật này.

Sau khi được cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có thẩm quyền cho phép, bệnh viện có trách nhiệm mai táng. Kinh phí cho việc mai táng do ngân sách nhà nước cấp. Trường hợp thân nhân của người chết đề nghị nhận tử thi để an táng và tự chịu chi phí thì bệnh viện giao cho họ thực hiện.

5. GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp tư pháp hình sự được quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự 1999 để áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng.

Như vậy, pháp luật thi hành án hình sự đã được quy định tương đối đầy đủ, chi tiết trình tự thủ tục giáo dục tại phường, xã, thị trấn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

* Thủ tục thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Tòa án đã ra bản án hoặc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phải gửi bản án hoặc quyết định cho người đó và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên được giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải gửi bản sao bản án hoặc quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức xã hội, nhà trường được Tòa án chỉ định giám sát, giáo dục người chưa thành niên.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu tổ chức xã hội, Hiệu trưởng nhà trường được chỉ định giám sát, giáo dục người chưa thành niên có trách nhiệm: Lập hồ sơ theo dõi và phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục; Triệu tập người chưa thành niên bị giám sát, giáo dục và mời người đại diện hợp pháp của người đó, người được phân công trực tiếp giám sát, giáo dục có mặt tại trụ sở để thông báo việc phân công người trực tiếp giám sát, giáo dục; quyền, nghĩa vụ của người chưa thành niên, người đại diện hợp pháp của người đó; quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp giám sát, giáo dục; thời hạn thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Trường hợp người chưa thành niên thay đổi nơi cư trú, học tập thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày người chưa thành niên chuyển đến nơi cư trú mới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xã hội, Hiệu trưởng nhà trường phải

thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để chuyển hồ sơ giám sát, giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chuyển đến cư trú, cơ quan, tổ chức xã hội, nhà trường nơi người đó chuyển đến học tập. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến cư trú mới, tổ chức xã hội, nhà trường nơi người đó chuyển đến học tập có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Luật này; Ba tháng một lần báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện về tình hình chấp hành của người chưa thành niên; Khi người chưa thành niên đã chấp hành được một phần hai thời hạn và có nhiều tiến bộ thì lập hồ sơ đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét và đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định chấm dứt thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Trong thời hạn 05 ngày trước khi hết thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu tổ chức xã hội, Hiệu trưởng nhà trường được chỉ định giám sát, giáo dục phải có văn bản thông báo kèm theo hồ sơ gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đúng ngày hết thời hạn, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải cấp giấy chứng nhận và gửi cho người chưa thành niên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu tổ chức xã hội, Hiệu trưởng nhà trường được chỉ định giám sát, giáo dục, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

* Nhiệm vụ của người trực tiếp giám sát, giáo dục

- Chủ động gặp gỡ người chưa thành niên để tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh, tâm tư nguyện vọng và hướng dẫn người đó chấp hành tốt cam kết, các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

- Phối hợp với gia đình, nhà trường, đoàn thanh niên và các tổ chức có liên quan nơi người chưa thành niên cư trú, học tập trong việc giám sát, giáo dục.

- Hàng tháng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu tổ chức xã hội, Hiệu trưởng nhà trường đã phân công nhiệm vụ trực tiếp giám sát, giáo dục về tình hình chấp hành của người chưa thành niên; kịp thời đề xuất các biện pháp ngăn ngừa, xử lý khi người đó vi phạm pháp luật.

* Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Người chưa thành niên bị giáo dục tại xã, phường thị trấn có quyền: Không bị phân biệt đối xử; được giúp đỡ, tạo điều kiện học tập, lao động, vui chơi giải trí tại cộng đồng; Được Tòa án xem xét, quyết định chấm dứt chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trước thời hạn theo quy định của Luật này; Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

* Người chưa thành niên bị giáo dục tại xã, phường thị trấn có nghĩa vụ: Cam kết bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức xã hội, nhà trường được giao giám sát, giáo dục về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; tích cực thực hiện nghĩa vụ học tập, sửa chữa sai lầm, tu dưỡng, rèn luyện, tham gia lao động. Cam kết phải có ý kiến của người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên; Chịu sự giám sát, giáo dục của người được phân công trực tiếp giám sát, giáo dục; Ba tháng một lần làm bản tự kiểm điểm về việc thực hiện cam kết gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu tổ chức xã hội, Hiệu trưởng nhà trường được chỉ định giám

sát, giáo dục. Bản tự kiểm điểm phải có nhận xét của người trực tiếp được giao giám sát, giáo dục; Trường hợp đi khỏi nơi cư trú trên 30 ngày, thì phải xin phép người trực tiếp giám sát, giáo dục.

6. ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp nghiêm khắc hơn biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quy định tại khoản 3 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng đối với thời hạn từ 1 năm đến 2 năm, đối với người chưa thành niên phạm tội mà do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó, phải đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ.

* Thủ tục thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra bản án, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên, Tòa án phải gửi bản án, quyết định cho người đó và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú phải báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ và bàn giao người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ gồm có: Bản sao bản án, quyết định của Tòa án; Quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng; Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; Danh bản; Tài liệu khác có liên quan.

Khi tiếp nhận người phải chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (sau đây gọi là học sinh), Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản giao nhận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo việc đã tiếp nhận học sinh cho cha, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người đó.

* Hoãn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Người chưa thành niên có thể được hoãn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong các trường hợp sau đây: Đang ốm nặng, đang phải cấp cứu hoặc vì lý do sức khỏe khác mà không thể đi lại được và được cơ sở chữa bệnh hoặc bệnh viện từ cấp huyện trở lên xác nhận; Có lý do chính đáng khác được Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xác nhận.

Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có nhiệm vụ làm thủ tục đề nghị Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng xem xét, quyết định hoãn. Tòa án ra quyết định hoãn chấp hành biện pháp tư pháp phải gửi

quyết định đó cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát cùng cấp và người được hoãn chấp hành biện pháp tư pháp.

Khi không còn lý do để hoãn theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho Toà án để ra quyết định thi hành.

* Giải quyết trường hợp người phải chấp hành biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng bỏ trốn

Trường hợp người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú phải ra quyết định truy tìm, đưa người đó vào trường giáo dưỡng và báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

Khi phát hiện người phải chấp hành biện pháp tư pháp bỏ trốn đang bị truy tìm thì cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này. Khi tiếp nhận, lưu giữ người đó, cơ quan Công an phải lập biên bản và đưa ngay họ vào trường giáo dưỡng.

* Chế độ quản lý học sinh trường giáo dưỡng

Học sinh phải chịu sự giám sát, quản lý của cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường.

Căn cứ vào độ tuổi, giới tính, trình độ văn hoá, tính chất và mức độ vi phạm, trường giáo dưỡng bố trí học sinh thành các tổ, lớp và phân công giáo viên trực tiếp phụ trách.

Trường hợp học sinh bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định và tổ chức truy tìm. Thời gian học sinh bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Khi bắt giữ mà học sinh có hành vi chống đối thì được áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân và cơ quan Công an các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc truy tìm, bắt giữ học sinh bỏ trốn. Khi phát hiện người bị truy tìm, mọi người có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này.

Khi bắt được người bỏ trốn hoặc nhận bàn giao người đó, cơ quan Công an phải lập biên bản, lấy lời khai, lưu giữ và quản lý người bỏ trốn, thông báo ngay cho trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm. Khi nhận được thông báo, trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến ngay để nhận và đưa học sinh bỏ trốn về trường giáo dưỡng. Việc giao, nhận học sinh bỏ trốn phải lập biên bản. Thời gian lưu giữ được tính vào thời gian chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

* Thực hiện lệnh trích xuất

Khi có văn bản yêu cầu của cơ quan, người tiến hành tổ tụng có thẩm quyền về việc trích xuất học sinh thì Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra lệnh trích xuất.

Trường hợp cần trích xuất học sinh phục vụ yêu cầu giáo dục hoặc khám, chữa bệnh thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra lệnh trích xuất.

Cơ quan yêu cầu trích xuất chịu trách nhiệm đưa và trả học sinh được trích xuất đến trường giáo dưỡng đúng thời hạn đã ghi trong lệnh trích xuất; khi giao nhận phải lập biên bản. Chi phí cho việc đi lại, ăn, ở của học sinh được trích xuất do Nhà nước cấp và do cơ quan nhận người được trích xuất chi trả.

Thời hạn trích xuất được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

* Chế độ học văn hoá, giáo dục hướng nghiệp, học nghề

Học sinh ở trường giáo dưỡng được học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối với học sinh chưa đạt trình độ phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở thì việc học văn hoá là bắt buộc. Đối với học sinh khác thì tùy khả năng, điều kiện thực tế mà tổ chức cho họ học tập phù hợp.

Ngoài giờ học tập, học sinh phải tham gia lao động do trường tổ chức. Trường có trách nhiệm sắp xếp công việc phù hợp với lứa tuổi và sức khoẻ của học sinh để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất; không bố trí những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại. Thời gian lao động của học sinh không được quá 02 giờ trong 01 ngày. Thời gian học tập và lao động không quá 07 giờ trong 01 ngày và không quá 35 giờ trong 01 tuần. Kết quả lao động của học sinh được sử dụng phục vụ cải thiện đời sống, sinh hoạt và học tập của học sinh. Học sinh được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

Kinh phí mua sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh do ngân sách nhà nước cấp.

* Kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi

Trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc hình thức thi khác.

Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc học tập của học sinh phải theo mẫu thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chứng chỉ học văn hoá, học nghề do trường giáo dưỡng cấp cho học sinh có giá trị như chứng chỉ của các trường phổ thông, trường dạy nghề.

* Chế độ sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, vui chơi giải trí

Ngoài giờ học văn hoá, học nghề, lao động, học sinh được tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường tổ chức.

* Chế độ ăn, mặc của học sinh trường giáo dưỡng

Học sinh được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, nước mắm, bột ngọt, muối, chất đốt.

Ngày lễ, Tết dương lịch, học sinh được ăn thêm không quá ba lần tiêu chuẩn ăn của ngày thường; ngày Tết nguyên đán học sinh được ăn thêm không quá năm lần tiêu chuẩn ăn của ngày thường.

Chế độ ăn đối với học sinh ốm đau, bệnh tật, thương tích do y sĩ hoặc bác sĩ chỉ định.

Nước sử dụng vào việc ăn, uống và sinh hoạt của học sinh được bảo đảm là nước sạch theo quy định của ngành y tế.

Hàng năm, học sinh được cấp quần áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng sinh hoạt khác; học sinh nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân.

* Chế độ ở và đồ dùng sinh hoạt của học sinh

Căn cứ vào giới tính, lứa tuổi, đặc điểm nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội của học sinh, trường sắp xếp chỗ ở, sinh hoạt phù hợp trong các buồng tập thể. Buồng ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích chỗ nằm tối thiểu cho mỗi học sinh là 2,5 mét vuông (m²).

Học sinh được bố trí giường nằm có chiều trải và được phép sử dụng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình, trừ những đồ vật bị cấm sử dụng trong trường giáo dưỡng. Đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của học sinh được trường cho mượn hoặc cấp.

* Chế độ chăm sóc y tế đối với học sinh trường giáo dưỡng

Học sinh được khám sức khỏe định kỳ; trường hợp học sinh bị ốm đau, bệnh tật, thương tích được điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng; trường hợp ốm đau, bệnh tật, thương tích nặng vượt quá khả năng điều trị của trường thì Hiệu trưởng quyết định đưa họ đến điều trị tại cơ sở chữa bệnh của Nhà nước. Kinh phí khám và chữa bệnh do trường chi trả.

Tiền khám, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều này được bảo đảm theo quy định của Chính phủ. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy, điều trị HIV/AIDS cho học sinh theo định mức kinh phí như Nhà nước cấp cho các trung tâm cai nghiện ma túy, trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an. Trường hợp học sinh được nghỉ học để đưa về gia đình chữa bệnh thì gia đình học sinh phải chi trả chi phí khám, chữa bệnh.

* Giải quyết trường hợp học sinh trường giáo dưỡng chết

Trường hợp học sinh chết, Hiệu trưởng phải báo ngay cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cấp tỉnh nơi có học sinh chết để xác định nguyên nhân chết; đồng thời thông báo ngay cho thân nhân của người đó biết.

Sau khi được cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cho phép mai táng thì trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức mai táng và báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Kinh phí cho việc mai táng do ngân sách nhà nước cấp. Trường hợp thân nhân của người chết đề nghị tự tổ chức mai táng và chịu chi phí thì trường giao cho thân nhân của người chết thực hiện. Việc tổ chức mai táng phải bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường.

* Chế độ gặp thân nhân, liên lạc, nhận tiền, đồ vật, tài sản của học sinh trường giáo dưỡng

Học sinh được gặp thân nhân tại nơi tiếp đón của trường giáo dưỡng và phải chấp hành đúng quy định về thăm gặp.

Học sinh được gửi và nhận thư, nhận quà trừ rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích khác, đồ vật và các loại văn hoá phẩm bị cấm. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm kiểm tra thư, quà trước khi học sinh gửi hoặc nhận. Học sinh có tiền hoặc giấy

tờ có giá thì phải gửi trường giáo dưỡng để quản lý và sử dụng theo quy định của trường.

*** Chấm dứt thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**

Học sinh đã chấp hành được một phần hai thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và thực sự tích cực học tập, tu dưỡng và chấp hành tốt nội quy của trường thì Hiệu trưởng đề nghị Toà án nhân dân cấp huyện nơi trường đóng xem xét, quyết định chấm dứt việc chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trước thời hạn. Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định đó cho học sinh, trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an. Ngay sau khi nhận được quyết định, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải làm thủ tục cho học sinh ra trường.

*** Khen thưởng, xử lý vi phạm**

Học sinh chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nội quy của trường giáo dưỡng, có kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên hoặc lập công thì được Hiệu trưởng quyết định khen thưởng bằng các hình thức sau: Biểu dương, tặng giấy khen, tặng quà; Cho đi tham quan do trường giáo dưỡng tổ chức.

Học sinh vi phạm kỷ luật học tập, lao động hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy của trường giáo dưỡng, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hiệu trưởng quyết định xử lý bằng một trong các hình thức sau: Khiển trách; Cảnh cáo; Giáo dục cá biệt tại phòng riêng.

Học sinh bị giáo dục cá biệt phải làm bản kiểm điểm và tự kiểm điểm trước tổ hoặc lớp.

Quyết định khen thưởng hoặc xử lý vi phạm được lưu vào hồ sơ học sinh.

*** Thủ tục cho học sinh trường giáo dưỡng ra trường**

Chậm nhất là 01 tháng trước khi học sinh trường giáo dưỡng hết thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú và gia đình họ biết ngày ra trường.

Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng phải cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng cho học sinh ra trường và gửi giấy chứng nhận này cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

Học sinh khi ra trường phải trả lại đồ dùng được trường cho mượn; được nhận lại tiền, tài sản và đồ vật gửi trường quản lý, các chứng chỉ học văn hoá, học nghề, tiền tàu xe, tiền ăn trong thời gian đi đường trở về nơi cư trú. Trường hợp hết thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng mà học sinh vẫn chưa thực sự tiến bộ thì Hiệu trưởng phải có bản nhận xét riêng và kiến nghị các biện pháp giáo dục tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú.

Đối với học sinh đã chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng mà không rõ cha, mẹ, nơi cư trú thì trường có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trường đóng để đề nghị giúp đỡ, sắp xếp chỗ ăn, ở và tạo việc làm, học tập.

Đối với học sinh dưới 16 tuổi hoặc bị ốm đau, bệnh tật đến ngày được ra trường mà không có thân nhân đến đón, thì trường giáo dưỡng phải cử người đưa về gia đình hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra trường, học sinh đã chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi về cư trú.

* Chi phí tổ chức thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Chi phí tổ chức thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng do ngân sách nhà nước cấp. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm chi cho việc thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan mình để Bộ Công an gửi Bộ Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Trường giáo dưỡng được tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất của Ủy ban nhân dân địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài để tổ chức dạy văn hoá, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề, mua sắm đồ dùng học tập và sinh hoạt cho học sinh.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Bản chất và các quy định chung về thi hành biện pháp tư pháp hình sự?
2. Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về thi hành biện pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm?
3. Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về thi hành biện pháp buộc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi?
4. Việc thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh được quy định như thế nào?
5. Trình bày các quy định của pháp luật về thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?
6. Quy định pháp luật hiện hành về thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. PGS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB Tư pháp 2006, – Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý và thực tiễn;
2. Luật thi hành án hình sự Việt Nam 2010;
3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 15/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch triển khai Luật thi hành án hình sự.

CHƯƠNG 12

THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ VÀ VẤN ĐỀ TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

1. ĐẶC TRƯNG PHÁP LÝ CỦA TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

Nhiệm vụ của thi hành án hình sự không chỉ dừng lại ở việc thực hiện đầy đủ các nội dung được ghi nhận trong bản án, quyết định của tòa án mà còn tạo các điều kiện cần thiết để những người đã chấp hành xong hình phạt có thể trở lại cuộc sống bình thường trong xã hội.

Thông thường, những người đã chấp hành xong hình phạt tù, về mặt pháp lý họ có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân và phải được đối xử bình đẳng như mọi công dân khác. Nhưng trên thực tế, do các nguyên nhân khác nhau, họ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tái hòa nhập cuộc sống cộng đồng, đặc biệt là đối với những người phải chịu hình phạt tù với thời hạn dài. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta coi việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người phạm tội, lầm lỡ để họ cải tạo bản thân, hòa nhập với cuộc sống bình thường và trở thành người có ích cho xã hội là một chính sách lớn thể hiện bản chất nhân đạo của chế độ ta, và là trách nhiệm của xã hội.

Xét về bản chất xã hội - pháp lý, quá trình tái hòa nhập cộng đồng có những tính chất sau:

- Bản chất của quá trình tái hòa nhập cộng đồng, xét về mặt xã hội là quá trình quay trở lại với xã hội, tham gia vào các quan hệ xã hội với tư cách là chủ thể của các quan hệ xã hội đó.

- Xét về khía cạnh pháp lý, đó là quá trình phục hồi tư cách công dân, phục hồi các quyền và nghĩa vụ của công dân trên thực tế.

Tuy nhiên, tái hòa nhập cộng đồng là một quá trình hai chiều: một là người tái hòa nhập cộng đồng hướng tới cộng đồng, và chiều ngược lại là sự tác động, chi phối của chính cộng đồng hướng tới đối với họ.

Vì vậy, quá trình tái hòa nhập cộng đồng là một quá trình kết hợp biện chứng hai chiều giữa sự nỗ lực, hoạt động tích cực của cá nhân người bị phạt với sự tác động có tính định hướng của xã hội nhằm giúp đỡ họ khôi phục địa vị pháp lý và năng lực công dân sau khi được tha tù, hết hạn tù, giúp họ hòa nhập trở lại với cộng đồng.

2. CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÃ CHẤP HÀNH XONG HÌNH PHẠT TÙ

Nhận rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với những người đã chấp hành xong hình phạt, trong thời gian gần đây, Đảng ta đã đề cập vấn đề này một cách chính thức trong các văn kiện của mình. Ngay trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII Đảng ta đã nêu rõ: đối xử nhân đạo đối với người bị phạt tù, có chương trình dạy nghề cho phạm nhân và giới thiệu việc làm cho họ sau khi ra tù, giúp họ nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng. Chỉ thị 53/CT-TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị khẳng định chủ trương nói trên đã nhân mạnh đến yêu cầu cần kết hợp và phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, các cấp

chính quyền, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người đã chấp hành xong hình phạt tái hòa nhập cộng đồng.

Những chủ trương của Đảng đã từng bước được thể chế hóa thành các chính sách, thành các quy định của pháp luật.

- Điều 3 BLHS 1999 quy định: “Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích...”

- Các quy định trước kia cũng như Luật thi hành án hình sự hiện nay có rất nhiều biện pháp tái hòa nhập cộng đồng được áp dụng ở giai đoạn chấp hành hình phạt tù: lao động, giáo dục văn hóa, pháp luật, dạy nghề, xét giảm án phạt tù, đặc xá, chữa bệnh, trao trả người được ra tù về địa phương,...

- Pháp luật thi hành án hình sự cũng quy định về các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng được áp dụng ở giai đoạn chấp hành xong hình phạt như: tiếp nhận các đối tượng đã chấp hành xong hình phạt khi họ trở về nơi cư trú, dạy nghề, lao động hướng nghiệp, dạy văn hóa, giáo dục pháp luật, hỗ trợ tìm kiếm việc làm hoặc bố trí việc làm cho các đối tượng.

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác tái hòa nhập cộng đồng một mặt xác định phương hướng, đường lối và các biện pháp, hình thức thực hiện việc tái hòa nhập cộng đồng, mặt khác, xác định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, nhà trường và gia đình trong công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người được tha tù, hết hạn tù tái hòa nhập cộng đồng.

Tổ chức quản lý số đối tượng bị quản chế, cấm cư trú, cải tạo không giam giữ, bị kết án tù nhưng cho hưởng án treo không để họ tái phạm tội; gia đình được coi là một cầu nối quan trọng nhất để người đã chấp hành xong hình phạt tù hòa nhập với cộng đồng sau một thời gian cách ly khỏi xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Đặc trưng pháp lý của tái hòa nhập cộng đồng?
2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tái hòa nhập cộng đồng của những người đã chấp hành xong hình phạt tù?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1.PGS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB Tư pháp 2006, – Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý và thực tiễn;
2. Luật thi hành án hình sự Việt Nam 2010;
3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 15/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch triển khai Luật thi hành án hình sự.

Lưu hành trực tuyến: Chuyên trang học luật trực tuyến (hocluat.vn)

Page: Học Luật Online (fb.com/hocluat.vn)

Chia sẻ để học tập, không nên thương mại hóa!